

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/DSST

Ngày: 19/9/2017.

(V/v: *Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Hương,

2. Ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2016/TLST-TCDS ngày 20/6/2016 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐST-TCDS ngày 27/3/2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1964. Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái Sơn, sinh năm: 1969 (chồng). Có mặt tại phiên.

Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm: 1968 (vợ). Vắng mặt có lý do.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ - Luật sư, thuộc văn phòng luật sư T; Địa chỉ: Số 9, đường N, phường N, thành phố Đ, Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2016 và bản tự khai ngày 04/7/2016, bà Nguyễn Thị V trình bày: Vào ngày 05/6/2015, ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị T đến nhà bà vay tiền để trả cho Ngân hàng với số tiền là 770.000.000 đồng, lãi suất tính theo Ngân hàng nhà nước, thời hạn vay 01 tháng và thế chấp 01 ngôi

nhà xây hai tầng gắn liền thửa đất số 1332, tờ bản đồ số 5, diện tích 142m² tại thôn T, xã T, huyện B. Đến thời hạn trả nợ ông S, bà T không trả nên bà V đã đến đòi nợ nhiều lần và cho đến nay vẫn chưa trả tiền vay gốc và tiền lãi. Nay thời gian đã quá lâu nên bà V làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S, bà T phải trả toàn bộ số tiền gốc là 770.000.000 đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước là 09%/năm.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2016, bị đơn ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông S, bà T thừa nhận ngày 05/6/2015 ông bà có vay của bà V số tiền 770.000.000 đồng, lãi suất tính theo Ngân hàng nhà nước, thời hạn vay 01 tháng và thế chấp 01 ngôi nhà xây hai tầng gắn liền thửa đất số 1332, tờ bản đồ số 5, diện tích 142m² tại thôn T, xã T, huyện B. Vì điều kiện kinh tế gia đình làm ăn thua lỗ nên ông bà chưa có khả năng trả nợ cho bà V. Nên ông S và bà T đề nghị bà V cho thời gian để ông S, bà T tìm cách trả nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 04/7/2016, bà V và ông S, bà T đã thống nhất xin tạm đình chỉ giải quyết vụ án để hai bên tìm ra phương án trả nợ nên ngày 08/9/2016 bà V có đơn xin tạm đình chỉ giải quyết vụ án và Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2016/QĐST ngày 08/9/2016. Ngày 24/10/2016, bà V có đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án với lý do ông S, bà T vẫn chưa tìm ra phương án để trả nợ cho bà V do đó Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 02/QĐTTGQVA ngày 24/10/2016. Tại phiên hòa giải ngày 23/02/2017, bà V đề nghị ông S, bà T trả cho bà V số tiền gốc là 770.000.000đ, số tiền lãi với lãi suất 9%/năm của 22 tháng là 127.050.000đ trả dần trong vòng 4 tháng. Phía bị đơn ông S, bà T yêu cầu được trả trước số tiền gốc 500.000.000đ, số tiền gốc còn lại 270.000.000đ + số tiền lãi 127.050.000đ trả dần trong vòng 5 tháng nhưng bà V không thống nhất.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị phía bị đơn trả nợ số tiền nợ gốc là 770.000.000 đồng + số tiền lãi 127.050.000đ. Nếu ông S, bà T không có khả năng trả nợ thì đề nghị được xử lý tài sản thế chấp là 01 ngôi nhà xây hai tầng gắn liền thửa đất số 1332, tờ bản đồ số 5, diện tích 142m² tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 2159000 ngày 16/12/2011 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Hợp đồng vay tiền được thành lập dựa trên cơ sở hai bên thỏa thuận, giữa một bên nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm chuyển giao số tiền cho vay, ngược lại bị đơn là ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Sự việc xảy ra tranh chấp là do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh

chấp. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung: Xét theo nội dung giấy vay tiền, quá trình hoà giải và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay thì bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị T đều nhất trí thừa nhận có việc thỏa thuận vay nợ, đến thời điểm hiện tại ông S, bà T còn nợ số tiền gốc 770.000.000 đồng + số tiền lãi là $(770.000.000đ \times 9\%/năm \times 22 \text{ tháng}) = 127.050.000 \text{ đồng}$, tổng cộng: 897.050.000 đồng. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay gốc là 770.000.000 đồng và số tiền lãi là 127.050.000 đồng, tổng cộng: 897.050.000đ (Tám trăm chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị V xử lý tài sản thế chấp gồm 01 ngôi nhà xây hai tầng gắn liền thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 215900, thửa số 1332, tờ bản đồ số 05, diện tích 142m² tại thôn T, huyện B. Xét thấy việc thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản là ngôi nhà gắn liền với diện tích trên giữa vợ chồng ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V chỉ thỏa thuận ghi vào giấy vay tiền ngày 05 tháng 6 năm 2015 chứ chưa thực hiện việc công chứng, chứng thực hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 717; khoản 1 Điều 719 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Nhưng việc thế chấp trên là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện nên tiếp tục giao bà V được tạm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 2159000 ngày 16/12/2011, thửa đất số 1332, tờ bản đồ số 5, diện tích 142m² để bảo đảm thi hành án.

[4] Về án phí vụ kiện: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 và điểm d mục 2 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Buộc ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị V không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 25; Điều 33 và Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011; các Điều 471, 474, 476 và Điều 721 Bộ luật dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Xử: Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị V số tiền 897.050.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 770.000.000 đồng và số tiền lãi là 127.050.000 đồng). Bà Nguyễn Thị V được tiếp tục tạm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 215900, thửa đất số 1332, tờ bản đồ số 5, diện tích 142m², cấp ngày 16/12/2011 tại thôn T, xã T, huyện B mang tên Nguyễn Thái S và Nguyễn Thị T để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 và điểm d mục 2 Phần I Danh mục mức án phí, lệ

phí Tòa án: Buộc ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị T phải nộp 38.912.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 8.700.000 đồng theo biên lai số 0001748 ngày 20/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Án xử sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/9/2017 để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phúc Nam